

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

MỤC 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT**Thông tin sản phẩm**

- Tên sản phẩm : Solito 320EC
- Mã thiết kế : A14530D
- Công dụng : Thuốc trừ cỏ



- Công ty : Công ty thuốc Bảo vệ Thực vật Syngenta
Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ
- Điện thoại : +41 61 323 11 11
- Telefax : +41 61 323 12 12
- Số điện thoại khẩn cấp : +44 1484 538444
- Địa chỉ E-mail : safetydatasheetcoordination@syngenta.com

MỤC 2. NHẬN DẠNG MÔI NGUY

- Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.
- Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Tác hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.

MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO**Thành phần nguy hại:**

Tên hóa học	CAS-No.	EC-No. Số đăng ký	Biểu tượng	Cụm từ R	Độ đậm đặc
pretilachlor	51218-49-6		Xi , N	R43 R50/53	28.7 % W/W
Pyribenzoxim	168088-61-7		Xi, N	R43 R50/53	1.91 % W/W
ethanone, 1-phenyl-	98-86-2	202-708-7	Xn	R22 R36	10 - 20 % W/W
benzenesulfonic acid, dodecyl-, calcium salt	26264-06-2, 84989-14-0, 90194-26-6	247-557-8	Xi	R38 R41	1 - 5 % W/W
fatty alcohol ethoxylate			Xn	R22 R41	1 - 5 % W/W
solvent naphtha (petroleum), highly arom.	64742-94-5	265-198-5	Xn, N	R65 R66 R51/53	10 - 20 % W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Để xem đầy đủ cụm từ R nêu tại mục này, xem Mục 16.

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Dem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến nơi chữa trị.
- Hít phải : Di chuyển người bị nạn đến nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
- Tiếp xúc với mắt : Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát tròng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
- Nuốt phải : Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
Không được nôn: sản phẩm có dầu chung cất và/ hoặc dung môi hương liệu.
- Tư vấn y tế: : Không có thuốc giải độc đặc hiệu. Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**5.1 Phương tiện chữa cháy**

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn.

Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

- Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).
- Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe.

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

- Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.
- Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống ruộng hoặc dòng nước.
- Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ**6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân**

- Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

- Ngăn ngừa trước sự rò rỉ hoặc đổ thuốc.
- Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

- Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).
- Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc mương nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ**7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn**

- Không có biện pháp bảo vệ đặc biệt để chống cháy.
- Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng thuốc.
- Để bảo vệ cá nhân xem phần 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

- Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.
- Giữ các thùng chứa đậy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.
- Để xa tầm tay trẻ em.
- Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
pretilachlor	4 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta
ethanone, 1-phenyl-	10 ppm 50mg/m ³	8 h TWA	ACGIH

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mối nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông gió.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014



-
- Biện pháp bảo vệ** : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp
- Bảo vệ cơ quan hô hấp** : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.
- Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.
- Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.
- Bảo vệ tay** : Nên sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học.
- Găng tay nên được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.
- Găng tay nên có thời gian thử nghiệm tối thiểu để phù hợp với sự tiếp xúc lâu dài.
- Thời gian sử dụng của găng tay thay đổi tùy theo độ dày, vật liệu và nhà sản xuất.
- Găng tay nên được bỏ đi và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu của hóa chất ngấm vào.
- Chất liệu phù hợp.
- Cao su Nitrile.
- Bảo vệ mắt** : Không bắt buộc mang kính bảo hộ.
- Tuân theo chính sách bảo vệ mắt của nhà máy.
- Bảo vệ da và cơ thể** : Đánh giá độ phơi sáng và chọn quần áo chống hóa chất dựa trên khả năng tiếp xúc và các đặc tính thấm thấu/ xâm nhập của vật liệu quần áo.
- Rửa bằng xà phòng và nước sau khi thay quần áo bảo hộ.
- Khử nhiễm quần áo trước khi sử dụng lại hoặc sử dụng các thiết bị dùng một lần (bộ quần áo, tạp dề, tay áo, giày ống...)
- Mặc phù hợp: không thấm nước bảo vệ bộ đồ.
-

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ**9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản**

Dạng	: Trong suốt
Màu sắc	: màu vàng đến nâu cam
Mùi	: đặc trưng, yếu
pH	: 3 – 7 tại 1% w/v
Điểm cháy	: 81 °C ở áp suất 101.1 kPa Pensky-Martens c.c.
Tính Oxi hóa	: Không có tính oxi hóa
Tính chất nổ	: Không nổ
Tỷ trọng	: 1.047 g/cm ³ 1.03 – 1.07 g/cm ³ ở 20°C .

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Sản phẩm phân hủy độc hại : quá trình đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

Phản ứng nguy hại : Chưa biết

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

Ổn định trong các điều kiện bình thường.

MỤC 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI**11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng	: LD50 chuột cái > 3.000 mg/kg
Độc cấp tính qua đường hô hấp	: LC50 chuột > 5,24 mg/L, 4h
Nhiễm độc cấp tính qua da	: LD50 chuột > 4.000 mg/kg
Kích thích da/dị ứng	: Thỏ - không gây kích thích/dị ứng
Dị ứng mắt	: Thỏ - không gây dị ứng
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	: Chuột lang: gây kích ứng da
Độc hại lâu dài	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư, dị tật hoặc đột biến trong các thí nghiệm động vật.

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI**Sự tích tụ sinh học**

- Pretilachlor : không tích tụ.
 Pyribenzoxim : có khả năng tích tụ ở mức trung bình

Sự ổn định trong nước

- Pretilachlor : không bền trong nước
 Pyribenzoxim : không bền trong nước

Sự ổn định trong đất

- Pretilachlor : không bền trong đất
 Pyribenzoxim : không bền trong đất

Tính di động trong đất

- Pretilachlor : có tính di động nhẹ trong đất.
 Pyribenzoxim : không di động trong đất.

Độc tính

- Độc tính đối với cá : Snakeskin gourami (*trichogaster pectoralis*), 14 mg/L , 96 h
 Độc tính đối với động vật thủy sinh : *Daphnia magna* (bọ nước), 14 mg/L, 48 h
 Độc tính đối với cây thủy sinh : *ErC50 Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục) 0,0088 mg/L, 72h.

MỤC 13. PHÂN HỦY**Phương pháp xử lý chất thải**

- Sản phẩm : Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng.
 Không bỏ chất thải vào cống rãnh.
 Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt.
 Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
- Bao bì bị ô nhiễm : Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa.
 Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải.
 Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI***Vận tải đường bộ (ADR / RID)***

Số UN	:	UN 3082
Tên đúng trên lô hàng	:	CHẤT NGUY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, N.O.S (PRETILACHLOR AND SOLVENT NAPHTHA)
Nhóm phân loại	:	9
Nhãn	:	9
Nhóm đóng gói	:	III

Vận tải đường biển (IMDG)

Số UN	:	UN 3082
Tên đúng trên lô hàng	:	CHẤT NGUY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, N.O.S (PRETILACHLOR AND SOLVENT NAPHTHA)
Nhóm phân loại	:	9
Nhãn	:	9
Nhóm đóng gói	:	III
Gây ô nhiễm biển	:	Gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

Số UN	:	UN 3082
Tên đúng trên lô hàng	:	CHẤT NGUY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, N.O.S (PRETILACHLOR AND SOLVENT NAPHTHA)
Nhóm phân loại	:	9
Nhãn	:	9
Nhóm đóng gói	:	III

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

Dán nhãn theo quy định EC

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- Pretilachlor
- Dung môi Naphta (xăng dầu)

Ký hiệu (s)	Xn	Có hại
	N	Độc hại cho môi trường.
Cụm từ R	R43	Kích ứng da khi tiếp xúc.

SOLITO 320EC

Phiên bản 02

Ngày cập nhật: 14.03.2014

	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
	R65	Có thể gây tổn hại cho phổi nếu nuốt phải.
Cụm từ -S	S2	Đề xa tầm tay trẻ em
	S13	Không để chung với thức ăn, nước uống và thực phẩm cho gia súc
	S20/21	Không ăn, uống và hút thuốc khi sử dụng thuốc.
	S35	Vật liệu và bao bì chứa thuốc phải được tiêu hủy đúng cách và an toàn.
	S36/37	Mặc quần áo và găng tay bảo hộ
	S46	Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
	S57	Sử dụng thùng chứa thích hợp để tránh gây ô nhiễm môi trường.

Dán nhãn đặc biệt : Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R trong mục 3:

R22	Có hại nếu nuốt phải
R36	Dị ứng mắt.
R38	Dị ứng da.
R41	Gây tổn hại nghiêm trọng cho mắt.
R43	Có thể gây kích ứng cho da khi tiếp xúc
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
R51/53	Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
R65	Gây tổn hại cho phổi nếu nuốt phải.
R66	Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô và nứt da.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác theo sự hiểu biết/thông tin của chúng tôi vào ngày nó được công bố. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem là bảo hành hay đặc điểm kỹ thuật chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và không có giá trị khi được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật chất khác hoặc trong bất kỳ quá trình nào khác, trừ trường hợp quy định bằng văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.